

Số: 29/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát
tại thành phố Hà Nội
(Thực hiện khoản 9 Điều 25 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;
Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 16/2023/QH15;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại: Tờ trình số
310/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025; Báo cáo giải trình số 372/BC-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2025 đề nghị ban hành Nghị quyết quy định hoạt động thử
nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;
Xét Báo cáo thẩm tra số 127/BC-BKTNS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố, ý kiến thảo luận và kết
quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một
số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cho phép, điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt và hoàn thành việc thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát (thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 25 Luật số 39/2024/QH15).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội.
 2. Tổ chức, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có tính đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 25 Luật số 39/2024/QH15.
 3. Ban quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội, Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội, Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội, Trung tâm công nghiệp văn hóa thành phố Hà Nội.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi không gian thử nghiệm có kiểm soát khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.
4. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Luật số 39/2024/QH15.
 5. Chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý triển khai, giám sát, hỗ trợ và hướng dẫn, kiểm tra quá trình thử nghiệm có kiểm soát.
 6. Người dùng sản phẩm thử nghiệm, cộng đồng dân cư trong không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quá trình thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát* là sản phẩm, công nghệ, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới được tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thực hiện thử nghiệm có kiểm soát theo điều kiện, tiêu chí và trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết này.
2. *Phương án thử nghiệm có kiểm soát* là tập hợp đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm thử nghiệm trên không gian thử nghiệm có kiểm soát, phương pháp thử nghiệm cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và quy định tại Nghị quyết này.
3. *Không gian thử nghiệm có kiểm soát* là không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát, không gian mạng thử nghiệm có kiểm soát.
4. *Không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát* là khu vực địa lý cụ thể hoặc cơ sở hạ tầng kỹ thuật (phòng thí nghiệm, tòa nhà, tuyến phố, khu phát triển thương mại văn hoá, trung tâm công nghiệp văn hoá, cơ sở y tế, giáo dục, giao thông, v.v...) được bố trí và kiểm soát có chủ đích nhằm hỗ trợ triển khai các sản

phẩm thử nghiệm trong điều kiện thực tế, với sự cho phép và kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. *Không gian mạng thử nghiệm có kiểm soát* là môi trường số được thiết kế như hệ thống vận hành chính thức, nhằm cho phép triển khai, vận hành, mô phỏng, kiểm chứng các giải pháp, công nghệ số, phần mềm, dữ liệu hoặc mô hình tương tác trong môi trường an toàn, có kiểm soát trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

6. *Tổ chức thực hiện thử nghiệm* là tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thực hiện thử nghiệm, được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

7. *Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm* là cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập được Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn, theo dõi, giám sát, đánh giá và phối hợp xử lý các nội dung phát sinh trong quá trình triển khai thử nghiệm có kiểm soát, nhằm đảm bảo thử nghiệm diễn ra đúng phạm vi được cho phép, hạn chế rủi ro, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và các bên liên quan.

8. *Người dùng* là các cá nhân, tổ chức được tham gia sử dụng công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, tham gia mô hình kinh doanh mới được thử nghiệm có kiểm soát.

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐỘC LẬP, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO PHÉP, ĐIỀU CHỈNH, CHẤM DỨT, HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

Điều 4. Tiêu chí và điều kiện lựa chọn

1. Tiêu chí lựa chọn công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được áp dụng thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

a) Sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát được Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đăng ký thực hiện thử nghiệm có kiểm soát, có tính đổi mới sáng tạo về khoa học, công nghệ, dịch vụ, mô hình kinh doanh; có phạm vi ứng dụng, triển khai để giải quyết các vấn đề cấp bách của Thành phố và có thể nhân rộng trên phạm vi cả nước;

b) Sản phẩm thử nghiệm có triển vọng mang lại giá trị cao về kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, cải thiện dịch vụ công hoặc nâng cao năng lực quản lý đô thị, môi trường, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa – xã hội; không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia, biến đổi, chỉnh sửa gen người, không xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

c) Pháp luật chưa quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc quy định hiện hành của pháp luật không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của sản phẩm thử nghiệm tạo ra khoảng trống hoặc rào cản pháp lý đối với quá trình triển khai sản phẩm trên thực tế, do đó cần thiết phải thử nghiệm trong không gian có kiểm soát làm cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá tác động, từ đó kiến nghị hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan trước khi quyết định đưa vào ứng dụng chính thức;

d) Khuyến khích đối với sản phẩm thử nghiệm triển khai trong phạm vi khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố, Trung tâm công nghiệp văn hoá của Thành phố.

đ) Phạm vi giới hạn thử nghiệm được đề xuất phù hợp với nguồn lực, cơ sở hạ tầng của địa điểm/không gian đề xuất thử nghiệm và năng lực kiểm soát của chính quyền Thành phố.

3. Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát-phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; Tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản tại thời điểm xét duyệt thử nghiệm có kiểm soát;

b) Có phương án thử nghiệm rõ ràng, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phạm vi, không gian, thời gian, đối tượng, quy trình triển khai, các chỉ số đánh giá kết quả; đánh giá về lợi ích và rủi ro của các bên tham gia thử nghiệm, người dùng, cộng đồng dân cư, tính cạnh tranh của thị trường, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác, có biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro; có cam kết bằng văn bản về việc đảm bảo an toàn của người dùng và cộng đồng dân cư, các bên có liên quan trong phạm vi và không gian thử nghiệm, có cơ chế giải quyết khiếu nại của người dùng, phạm vi và phương án bồi thường thiệt hại nếu có rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm; cung cấp thông tin, tài liệu chứng minh năng lực phù hợp với phương án thử nghiệm, có lộ trình cụ thể cho giai đoạn phát triển sản phẩm thử nghiệm sau khi kết thúc thử nghiệm;

c) Tổ chức thực hiện thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện về kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm việc thử nghiệm và kiểm soát được quá trình, môi trường thử nghiệm theo phương án được phê duyệt; phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng của không gian thử nghiệm đề xuất; cam kết chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật, Hội đồng tư vấn độc lập

1. Hội đồng trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

a) Hội đồng thẩm định cho phép thử nghiệm có kiểm soát, Hội đồng thẩm định điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát, Hội đồng thẩm định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát, Hội đồng thẩm định hoàn thành thử nghiệm;

b) Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật được thành lập để đánh giá những vấn đề liên quan đến hoàn thiện pháp luật sau khi hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát đối với từng thử nghiệm;

c) Hội đồng tư vấn độc lập được thành lập để xem xét đánh giá lại quy trình tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát; việc loại trừ, miễn trừ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu có rủi ro, thiệt hại về trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự xảy ra trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của Luật số 39/2024/QH15 và các văn bản pháp luật khác về thử nghiệm có kiểm soát có liên quan.

2. Cơ quan chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn độc lập;

b) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định cho phép thử nghiệm có kiểm soát, Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật;

c) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định có tối thiểu 09 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 03 - 05 ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thành lập Hội đồng mời thêm đại biểu tham dự là đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b) Các thành viên đã tham gia Hội đồng thẩm định cho phép thử nghiệm có kiểm soát ban đầu được ưu tiên mời tham gia các Hội đồng thẩm định điều chỉnh, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát của từng thử nghiệm. Quy chế tổ chức, nguyên tắc làm việc của Hội đồng, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng và thành viên Hội đồng quy định tại phụ lục II của Nghị quyết này.

c) Thời gian hoạt động của các Hội đồng thẩm định được xác định từ khi Hội đồng được thành lập cho đến khi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát.

4. Kinh phí hoạt động của các Hội đồng thẩm định được áp dụng mức chi bằng 03 (ba) lần mức chi cho Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức các nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cho phép thử nghiệm có kiểm soát

1. Tổ chức, doanh nghiệp quy định theo khoản 3 Điều 4 đăng ký nộp hồ sơ đối với từng phương án thử nghiệm có kiểm soát tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học công nghệ đánh giá sơ bộ, lấy ý kiến các Sở, ban, ngành liên quan tới sản phẩm thử nghiệm, đồng thời tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định. Thời hạn đánh giá sơ bộ và gửi tài liệu lấy ý kiến trong vòng 7 ngày làm việc.

Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến. Căn cứ ý kiến các Sở, ban, ngành và quyết định ban hành thành lập Hội đồng thẩm định thì chậm nhất trong vòng 20 ngày kể từ ngày lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, Sở Khoa học và công nghệ tổ chức họp Hội đồng thẩm định cho phép thử nghiệm có kiểm soát.

3. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và công nghệ thông báo kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát theo các trường hợp sau:

a) Trường hợp phương án thử nghiệm có kiểm soát đánh giá không đạt, trong vòng 5 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản kết quả và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp cần giải trình, bổ sung, hoàn thiện về sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát, phương án thử nghiệm có kiểm soát, kiểm tra thực tế về cơ sở vật chất, năng lực của tổ chức, doanh nghiệp (nếu cần thiết). Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát hoàn thiện hồ sơ đăng ký thử nghiệm, phối hợp tổ chức kiểm tra về cơ sở vật chất, năng lực của đơn vị (nếu cần thiết) trong thời hạn 10 ngày.

Trên cơ sở tài liệu hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định tiến hành lấy ý kiến, đánh giá lại phương án thử nghiệm có kiểm soát và tổng hợp ý kiến các thành viên hội đồng.

Kết quả đánh giá lại của Hội đồng Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp không đạt yêu cầu thì làm theo quy định tại điểm a Điều này.

c) Trường hợp phương án thử nghiệm có kiểm soát được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ trình lên Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định đánh giá đạt, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả thẩm định, hồ sơ đăng ký và hoàn thiện (nếu có) thử nghiệm có kiểm soát, các văn bản góp ý của Sở, ban, ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời hạn 10 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kiểm tra hồ sơ và trình Hội đồng nhân dân Thành phố về phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng thử nghiệm.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết về phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng phương án thử nghiệm theo kỳ họp của Hội đồng nhân dân, giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm có kiểm soát từng sản phẩm thử nghiệm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng phương án thử nghiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định cho phép thử nghiệm kèm quy chế thử nghiệm có kiểm soát; quyết định việc giao trách nhiệm cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

7. Chậm nhất 60 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm phải triển khai thử nghiệm, tuân thủ quy chế thử nghiệm riêng đối với sản phẩm thử nghiệm được cho phép và các quy định có liên quan.

Điều 7. Trình tự, thủ tục điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát

1. Trong quá trình thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được cho phép, trường hợp tổ chức thực hiện thử nghiệm được xem xét điều chỉnh bao gồm: điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, điều chỉnh không gian thử nghiệm và gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát.

Tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp hồ sơ điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

Đối với gia hạn thời gian thử nghiệm, tổ chức thực hiện phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm 30 ngày trước thời điểm hết hạn ghi trong Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp hồ sơ sau 30 ngày so với thời điểm hết hạn ghi trong Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức thực hiện thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát, đồng thời xin ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở, ban, ngành có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục của Hội đồng thẩm định điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát theo các bước thực hiện tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này.

4. Trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá đạt của Hội đồng thẩm định và ý kiến các đơn vị có liên quan, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả của Hội đồng thẩm định, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quyết định về việc điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định về việc điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát và ban hành quy chế thử nghiệm điều chỉnh. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thông báo cho tổ chức thực hiện thử nghiệm được biết và tuân thủ theo quyết định điều chỉnh của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố không đồng ý điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát, trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thông báo bằng văn bản để tổ chức thực hiện thử nghiệm được biết để giữ nguyên quyết định cho phép thử nghiệm và quy chế thử nghiệm.

Điều 8. Trình tự, thủ tục chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát

1. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Sau 60 kể từ ngày được cho phép thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức thực hiện thử nghiệm không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị hoặc kết luận về các vi phạm trong quá trình thử nghiệm bao gồm:

b1. Vi phạm các điều kiện, tiêu chí đã cam kết trong phương án thử nghiệm có kiểm soát, đã được cơ quan hướng dẫn kiểm soát, quá trình thử nghiệm cảnh báo, khuyến nghị đối với trường hợp phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thử nghiệm mà không tiến hành các biện pháp khắc phục;

b2. Sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; có hành vi gian lận hoặc cung cấp thông tin sai lệch về kết quả thử nghiệm có kiểm soát;

b3. Việc thử nghiệm gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, môi trường hoặc an ninh trật tự xã hội mặc dù tổ chức thực hiện thử nghiệm đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo cam kết trong phương án thử nghiệm để hạn chế tác động;

b4. Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây thiệt hại thực tế lớn tới bên tham gia thử nghiệm, người dùng và các bên liên quan hoặc gây bất ổn cho thị trường; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục;

c) Tổ chức thực hiện thử nghiệm tự nguyện rút khỏi thử nghiệm và chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

d) Tổ chức thực hiện thử nghiệm chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;

đ) Thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tổ chức, doanh nghiệp của tổ chức thực hiện mà tổ chức, doanh nghiệp kế thừa, tiếp quản không cam kết kế thừa các nghĩa vụ, trách nhiệm để tiếp tục thực hiện phương án thử nghiệm.

e) Xảy ra thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh dẫn đến không thể hoàn thành thử nghiệm.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều này như sau:

Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm tiến hành kiểm tra lý do, nguyên nhân không triển khai thử nghiệm có kiểm soát, thông báo cho tổ chức thực hiện thử nghiệm tình trạng vi phạm quy chế đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chấm dứt, thu hồi quyết định cho phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

3. Trình tự, thủ tục chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều này như sau:

a) Căn cứ kết luận kiểm tra của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, trong thời hạn 10 ngày, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm ra quyết định đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát thông báo cho tổ chức thực hiện thử nghiệm đồng thời thành lập Hội đồng thẩm định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát. Hội đồng thẩm định đánh giá kết quả thử nghiệm, các thiệt hại phát sinh và tác động tinh tế - xã hội của việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát;

b) Trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả của Hội đồng thẩm định, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quyết định về việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định về việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát;

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân quyết định chấm dứt thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thông báo cho tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát chấm dứt thử nghiệm, yêu cầu tổ chức thực hiện thử nghiệm khắc phục vi phạm, hoàn trả lại mặt bằng và cơ sở vật chất đã được giao hoặc cho thuê để thực hiện thử nghiệm có kiểm soát; bồi thường thiệt hại cho người dùng nếu phát sinh, báo cáo kết quả khắc phục, kịp thời thông báo cho người dùng về việc dừng thử nghiệm, dừng giới thiệu sản phẩm thử nghiệm cho người dùng mới.

4. Trình tự, thủ tục chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp tại điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều này như sau:

a) Tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp đơn xin chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát nêu rõ lý do, báo cáo kết quả thử nghiệm tại thời điểm xin chấm dứt cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn xin chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát. Hội đồng thẩm định đánh giá

kết quả thử nghiệm, các thiệt hại phát sinh và tác động tinh tế - xã hội của việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát.

c) Trình tự, thủ tục báo cáo Ủy ban nhân dân quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp báo cáo kết quả hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm đánh giá sơ bộ, gửi tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành có liên quan (nếu cần thiết) đồng thời tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá kết quả thử nghiệm. Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Căn cứ ý kiến các Sở, ban, ngành và thời gian trên quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thì chậm nhất trong vòng 10 ngày, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát.

3. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thông báo kết quả cho tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát theo các trường hợp sau:

a) Trường hợp kết quả thử nghiệm có kiểm soát đánh giá không đạt hoặc cần gia hạn thêm thời gian để thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định gia hạn hoặc kết thúc quá trình thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp kết thúc quá trình thử nghiệm có kiểm soát, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ về kết quả thử nghiệm có kiểm soát;

b) Trường hợp kết quả thử nghiệm có kiểm soát đánh giá đạt, hoàn thành thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả hoàn thành thử nghiệm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về kết quả hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát.

4. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật. Hội đồng đánh giá các lợi ích, rủi ro và yêu cầu quản lý đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh được thử nghiệm đã được làm rõ trong quá trình thử nghiệm, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan.

Sở Khoa học và công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan, thuộc phạm vi thẩm quyền, làm cơ sở cho việc áp dụng chính thức sản phẩm đã hoàn thành thử nghiệm.

5. Sau khi được cấp quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức thực hiện thử nghiệm triển khai chính thức phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm theo chiến lược, kế hoạch và giải pháp hoàn thiện, mở rộng ứng dụng sản phẩm thử nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III

HƯỚNG DẪN, KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM, BÁO CÁO THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM, BẢO VỆ NGƯỜI DÙNG

Điều 10. Hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

1. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát tổ chức thực hiện thử nghiệm thông qua các hoạt động sau đây:

a) Hướng dẫn tổ chức thực hiện thử nghiệm theo quy chế thử nghiệm riêng cho từng sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) Kiểm tra, theo dõi hoạt động thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức thực hiện thử nghiệm thông qua các việc thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu gồm: các hoạt động báo cáo định kỳ hoặc đột xuất; hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm; thông tin do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác có liên quan cung cấp;

c) Đánh giá việc áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro của tổ chức thực hiện thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm; cảnh báo, khuyến nghị đối với trường hợp phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thử nghiệm; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các nguy cơ lạm dụng, vượt tầm kiểm soát trong quá trình thử nghiệm, thông báo bằng văn bản chuyển tới tổ chức thực hiện thử nghiệm.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn độc lập khi xảy ra sự cố, rủi ro, thiệt hại trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.

2. Các hình thức kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra định kỳ các tổ chức thực hiện thử nghiệm theo giai đoạn trong thuyết minh phương án thử nghiệm được phê duyệt và quy chế quản lý riêng đối với từng phương án thử nghiệm;

b) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi tiếp nhận phản ánh từ doanh nghiệp và người dân về quá trình thử nghiệm nhằm phát hiện các vấn đề liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm điều chỉnh kịp thời nếu phát hiện vấn đề hoặc sai phạm;

c) Kiểm tra và giám sát các yếu tố môi trường, an toàn và ảnh hưởng kinh tế - xã hội của phương án thử nghiệm.

3. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có quyền yêu cầu tổ chức thực hiện thử nghiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cung cấp thông tin dữ liệu có liên quan, báo cáo giải trình các vấn đề phát sinh trong thời gian thử nghiệm;

b) Bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro;

c) Triển khai các biện pháp khắc phục, giảm thiểu thiệt hại khi có nguy cơ phát sinh sự cố;

d) Dừng thử nghiệm trong trường hợp cần đảm bảo an toàn cho người dùng hoặc cộng đồng khi tổ chức thực hiện thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu quản lý hoặc vi phạm điều kiện thử nghiệm.

4. Kinh phí cho hoạt động hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có kiểm soát, công tác kiểm tra, đánh giá, thực hiện hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm được thực hiện theo quy định về nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo do Hội đồng nhân dân thành phố quy định. Trường hợp cần thuê tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kiểm soát quá trình thử nghiệm thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chế độ báo cáo thực hiện thử nghiệm có kiểm soát

1. Đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm

a) Báo cáo định kỳ 3 tháng về tiến độ, rủi ro phát sinh (nếu có), biện pháp xử lý, kiến nghị kết quả triển khai thử nghiệm cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

b) Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu từ Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm hoặc khi sự cố nghiêm trọng xảy ra;

c) Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm trước thời điểm kết thúc thử nghiệm 30 ngày gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm;

d) Nội dung báo cáo phải trung thực, khách quan, minh bạch, đầy đủ, dễ truy xuất để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá.

2. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình và kết quả thực hiện các phương án thử nghiệm được giao hướng dẫn, kiểm soát hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Báo cáo về kết quả thử nghiệm tại thời điểm kết thúc thử nghiệm, trong đó nêu rõ các lợi ích, rủi ro và yêu cầu quản lý, hoàn thiện pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm đã được làm rõ trong quá trình thử nghiệm.

Điều 12. Bảo vệ người dùng, tổ chức và cá nhân khác có liên quan

1. Đối với sản phẩm thử nghiệm dự kiến triển khai tại không gian có cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân đang hoạt động, trong quá trình xây dựng phương án thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm thử nghiệm, lợi ích dự kiến và rủi ro trong quá trình thử nghiệm, lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dùng tham gia trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát và sau khi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm:

a) Xây dựng và bảo đảm tuân thủ quy chế thử nghiệm, quy trình nội bộ và các biện pháp kiểm soát rủi ro có thể dẫn tới việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của người dùng; bảo đảm, bảo mật thông tin của người dùng trong và sau quá trình thử nghiệm trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Đảm bảo thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về các giải pháp thử nghiệm, phí dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của người dùng đối với từng phương án thử nghiệm; ban hành và cung cấp cho người dùng hướng dẫn khuyến cáo rủi ro khi sử dụng các sản phẩm thử nghiệm; đảm bảo thử nghiệm có kiểm soát dựa trên nguyên tắc tự nguyện và cam kết giữa các bên tham gia quá trình thử nghiệm.

c) Định kỳ đánh giá rủi ro, các biện pháp kiểm soát rủi ro; có chế giải quyết khiếu nại của người dùng; phạm vi và các biện pháp bồi thường thiệt hại; bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm và kịp thời thông báo cho người dùng trong trường hợp có sự thay đổi mức độ rủi ro của phương án thử nghiệm;

d) Công bố đầu mỗi giải quyết khiếu nại của người dùng. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, thiệt hại đối với người dùng và cộng đồng dân cư, tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý yêu cầu của người dùng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại từ người dùng hoặc từ cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm.

Chủ động tiến hành thương lượng, hoà giải với người dùng, cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm và bên liên quan có tranh chấp; thực hiện bồi thường thiệt hại cho người dùng, cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm theo thỏa thuận hoặc theo quy chế thử nghiệm và quy định khác của pháp luật về dân sự trong quá trình thử nghiệm hoặc sau khi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát.

3. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng cơ chế, thiết lập đầu mối tiếp nhận, giải quyết đối với kiến nghị, phản ánh của người dùng hay, cộng đồng dân cư trong không gian thử

nghiệm và bên thứ ba về quá trình thử nghiệm, sản phẩm thử nghiệm, giải quyết trong phạm vi thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết; giám sát việc thực hiện trách nhiệm giải quyết của tổ chức thực hiện thử nghiệm;

b) Trực tiếp tiếp nhận, xem xét, giải đáp các vướng mắc về pháp luật, quản lý phát sinh trong quá trình thử nghiệm phù hợp với thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

CHƯƠNG IV **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN** **THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền theo quy định tại Khoản 6 Điều 25 của Luật số 39/2024/QH15 và Nghị quyết này.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, hướng dẫn việc tổ chức thi hành Nghị quyết; ban hành thủ tục hành chính hoặc quy định cụ thể để hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị quyết trong trường hợp cần thiết.

3. Căn cứ tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật đề rà soát, cập nhật, điều chỉnh trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm khi có thay đổi.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tham mưu, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp thông tin các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Thành lập Hội đồng thẩm định cho phép thử nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này.

4. Thành lập hội đánh giá hoàn thiện các vấn đề liên quan tới pháp luật sau khi hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát tại b khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết này.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm riêng theo khoản 8 Điều 25 Luật số 39/2024/QH15 đối với từng thử nghiệm cụ thể được cho phép thử nghiệm có kiểm soát.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Thành phố thực hiện việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết này.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

1. Thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo khoản 7 Điều 25 Luật số 39/2024/QH15, điểm c khoản 1 Điều 5, Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết này.

2. Theo dõi, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm có kiểm soát.

2. Tuân thủ quy chế thử nghiệm của sản phẩm thử nghiệm được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép.

3. Tuân thủ các yêu cầu về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, thông tin cá nhân Người dùng theo quy định của pháp luật.

4. Ban hành quy trình, quy định nội bộ đối với hoạt động thử nghiệm, bao gồm:

a) Quy trình thực hiện và trách nhiệm cụ thể của cá nhân, bộ phận trong việc xây dựng và vận hành, triển khai sản phẩm thử nghiệm;

b) Quy trình xử lý khi xảy ra sự cố, mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự;

c) Quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ;

d) Quy định về lưu trữ thông tin, bảo mật thông tin người dùng, biện pháp chống lộ, lọt thông tin các nhân;

đ) Quy định về trách nhiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm trong việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan đến việc cung ứng giải pháp thử nghiệm;

e) Quy định về phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn, kiểm tra, giám sát hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống lưu trữ thông tin; xây dựng phương án, giải pháp ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố.

5. Áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm; mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với những thử nghiệm có liên quan tới sức khỏe, tài sản của người dùng trong trường hợp có đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm; báo cáo cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm ngay khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm hoặc rủi ro nghiêm trọng hoặc nguy cơ lạm dụng, vượt tầm kiểm soát mà không thể khắc phục được.

6. Tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động thử nghiệm, trang thiết bị phục vụ thử nghiệm, bảo đảm an ninh, bồi thường thiệt hại nếu phát sinh rủi ro trong quá trình thử nghiệm, phải hoàn trả nguyên trạng mặt bằng, cơ sở vật chất được giao sử dụng hoặc thuê sau khi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định tiêu chí, điều kiện lựa chọn sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát; hồ sơ đăng ký cho phép thử nghiệm có kiểm soát; điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát; chấm dứt thử nghiệm thử nghiệm; hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát; hoàn thiện pháp luật theo các điều kiện quy định tại Nghị quyết này.

b) Kiểm tra thực tế, đánh giá tính hợp lệ, sự phù hợp của từng phương án tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định trung thực, khách quan, công bằng; giữ bí mật các thông tin nhận được; thông tin liên quan đến hồ sơ, nội dung, kết luận của Hội đồng trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định.

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, chính quyền cấp xã và các đơn vị có liên quan của Thành phố

1. Các sở, ban, ngành Thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp tham gia ý kiến thẩm định, đánh giá sản phẩm thử nghiệm; phối hợp thẩm định hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm;

b) Phối hợp kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thử nghiệm theo quyết định giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố và đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm;

c) Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến hoạt động thử nghiệm, tham gia thực hiện các phương án thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Ban quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội, Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội, Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội, Trung tâm công nghiệp văn hóa thành phố Hà Nội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi không gian thử nghiệm có kiểm soát khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện thử nghiệm triển khai, điều chỉnh, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát được cho phép; kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong phạm vi quản lý.

3. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm hỗ trợ các tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn, tạo điều kiện về mặt bằng thử nghiệm, đảm bảo an ninh, an toàn, phối hợp giám sát trong thời gian thử nghiệm có kiểm soát.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức, triển khai, thực hiện.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

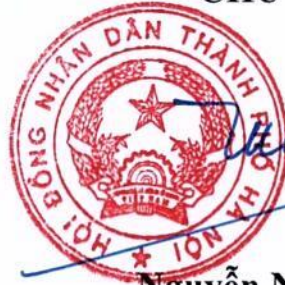
Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025;

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: NN&MT, TC, TP, XD, KH&CN, CT;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường thuộc Thành phố;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



Phụ lục I

THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM, ĐIỀU CHỈNH, CHẤM DỨT, HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

(Kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025

của Hội đồng nhân dân Thành phố)

I. PHẦN I: HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thử nghiệm có kiểm soát nộp hồ sơ đăng ký thử nghiệm tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Hồ sơ đăng ký thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

1. Đơn đăng ký cho phép thử nghiệm có kiểm soát theo Mẫu 1.1 tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết;
2. Bản sao Giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp;
3. Phương án thử nghiệm có kiểm soát theo Mẫu 1.2 tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết này;
4. Dự thảo Quy chế thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký sản phẩm thử nghiệm theo theo Mẫu 1.12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.
5. Tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm: cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ; nhân lực, lực lượng lao động hiện có; đội ngũ nhân sự chính tham gia trong quá trình thử nghiệm; cam kết đáp ứng về tài chính để thực hiện thử nghiệm có kiểm soát;

II. PHẦN II: HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

Trường hợp tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát đề nghị điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát, phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát nộp hồ sơ tại cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

Hồ sơ điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

1. Trong quá trình thực hiện phương án thử nghiệm, khi có nhu cầu điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm trong phạm vi dự kiến tại phương án thử nghiệm ban đầu, điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm, hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị điều chỉnh theo Mẫu 1.4 tại Phụ lục I và báo cáo tiến độ thực hiện.
2. Trường hợp gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát, hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu 1.5 tại Phụ lục I và báo cáo kết quả thực hiện.
3. Phương án thử nghiệm ban đầu được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
4. Phương án thử nghiệm có kiểm soát đề xuất điều chỉnh; ý kiến của cơ quan chủ quản nơi tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát về điều chỉnh phạm vi, không gian

thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi quản lý.

III. PHẦN III: HỒ SƠ HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

1. Tiêu chí đánh giá hoàn thành phương án thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

a) Mức độ đạt được mục tiêu và tiêu chí đã đề ra ban đầu: dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm, bao gồm các yêu cầu về kết quả đạt được và tiêu chí đánh giá trong thuyết minh đề nghị cho phép thử nghiệm;

b) Việc tuân thủ quy chế thử nghiệm và quy định pháp luật khác;

c) Khả năng xử lý rủi ro và giải quyết sự cố, mức độ hiệu quả của các giải pháp kiểm soát rủi ro đã áp dụng và khả năng phản ứng, giải quyết khi xảy ra sự cố;

d) Kết quả thử nghiệm và giá trị thực tế do sản phẩm thử nghiệm mang lại nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, hiệu quả kinh tế- xã hội, môi trường đối với thành phố Hà Nội và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam;

đ) Khả năng hoàn thiện sản phẩm thử nghiệm và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi hoàn thành thử nghiệm; chiến lược, kế hoạch, giải pháp hoàn thiện và mở rộng ứng dụng theo lộ trình cho từng giai đoạn phát triển sau khi hoàn thành thử nghiệm;

e) Đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật từ quá trình và kết quả thử nghiệm.

2. Hồ sơ hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát

a) Báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát theo Mẫu 1.6 của Phụ lục I Nghị quyết này;

b) Phương án thử nghiệm ban đầu được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

c) Tài liệu chứng minh hiệu quả kinh tế - xã hội của sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát đạt được;

d) Các đánh giá về việc tác động đến việc hoàn thiện các quy định của pháp luật (nếu có).

BIỂU MẪU	TÊN BIỂU MẪU
Mẫu 1.1	Đơn đăng ký cho phép thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.2	Phương án thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.3	Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.4	Đơn đề nghị điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.5	Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.6	Báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.7	Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.8	Quyết định điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.9	Quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.10	Quyết định đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.11	Quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát
Mẫu 1.12	Mẫu đề cương quy chế thử nghiệm có kiểm soát

Mẫu 1.1 - Đơn đăng ký cho phép thử nghiệm có kiểm soát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHO PHÉP THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội

.....(Tên tổ chức đề nghị) đề nghị..... xem xét cho phép thử nghiệm có kiểm soát công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin chung:

- a) Tên đơn vị đăng ký:
- b) Địa chỉ trụ sở chính:
- c) Mã số doanh nghiệp:
- d) Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:.....
 - Chức vụ:
 - Số điện thoại liên hệ:

- Email liên hệ:

2. Thông tin về giải pháp công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đăng ký thử nghiệm có kiểm soát:

- Tên giải pháp:
- Mô tả giải pháp:
- Phạm vi, không gian thử nghiệm (địa lý, đối tượng Người dùng...):
- Thời gian dự kiến thử nghiệm:
- Kế hoạch quản lý rủi ro và biện pháp khắc phục:
- Cam kết tuân thủ quy định pháp luật và quy định thử nghiệm

Chúng tôi cam đoan các thông tin nêu tại Đơn đề nghị ngày, Thuyết minh kèm theo và các hồ sơ gửi đến.... là hoàn toàn đúng sự thật, chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin cung cấp và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình tham gia thử nghiệm.

Kính đề nghị quý cơ quan quan tâm xem xét./.

Đại diện đơn vị đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 1.2 - Phương án thử nghiệm có kiểm soát**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***PHƯƠNG ÁN THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT****I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM****1. Thông tin chung:**

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Website (nếu có):

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ (tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email).

2. Mô tả về tổ chức

a) Mô tả bộ máy, cơ cấu tổ chức

b) Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính

c) Sản phẩm chính (nếu có)

d) Người dùng và các bên liên quan chính (như Người dùng trực tiếp, Người dùng gián tiếp, nhà cung ứng, đối tác, bên cộng tác...)

đ) Giới thiệu về năng lực của tổ chức

- Mô tả cụ thể về cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có (như công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ chính...)

- Mô tả nhân lực, lực lượng lao động hiện có

- Mô tả về đội ngũ nhân sự chính tham gia trong quá trình thử nghiệm (năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, các thành tích đã đạt được nếu có...)

- Thông tin về các thành tựu đạt được, các giải thưởng đã đạt được của tổ chức, nhân sự chính của tổ chức (nếu có)

- Vốn hiện có

- Các khoản đầu tư huy động được (nếu có)

e) Tình trạng pháp lý

- Thông tin về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Tình hình chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM THỬ NGHIỆM ĐỀ XUẤT CHO PHÉP THỬ NGHIỆM

1. Tên sản phẩm thử nghiệm đề xuất cho phép thử nghiệm có kiểm soát

2. Tính cần thiết phải thử nghiệm có kiểm soát

a) Tổng quan các nghiên cứu hoặc ứng dụng giải pháp công nghệ có liên quan đã được thực hiện bởi tổ chức đề nghị cho phép hoặc các tổ chức khác trong và ngoài nước

b) Các tồn tại, hạn chế, các vấn đề đặt ra cần phải giải quyết

c) Lý do cần phải thử nghiệm theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: thuyết minh về hiện trạng pháp luật liên quan sản phẩm và những vướng mắc về pháp lý trong việc triển khai thực hiện sản phẩm trên thực tế.³ Mục tiêu của việc thử nghiệm

4. Mô tả về sản phẩm thử nghiệm đề nghị cho phép thử nghiệm

a) Mô tả công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đăng ký tham gia thử nghiệm, trong đó thể hiện: tính mới hoặc áp dụng công nghệ mới hoặc có tính đổi mới sáng tạo của giải pháp; mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (nếu có)

- Đối với dịch vụ, mô hình kinh doanh mới: Cần mô tả cụ thể mô hình dịch vụ, mô hình kinh doanh, đối tượng người dùng, đối tác dự kiến; sự liên kết, tương tác giữa tổ chức với người dùng và đối tác; chi phí, lợi nhuận dự kiến; phương án quản lý tài chính đối với tổ chức và đối với Người dùng, đối tác.

- Dự kiến những điều chỉnh có thể xảy ra đối với sản phẩm thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm.

b) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm (*bao gồm các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá*)

c) Người dùng tiềm năng, đối tượng thụ hưởng

d) Giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

5. Yêu cầu về nguồn lực, hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật đối với thử nghiệm

6. Yêu cầu về cơ chế quản lý, giám sát đối với cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

7. Rủi ro ảnh hưởng đến tính bảo mật, an ninh, quốc phòng; lợi ích của người dùng

8. Đề xuất cho phép không áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, về trình tự, thủ tục cho phép, đảm bảo điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của sản phẩm thử nghiệm.

III. KẾ HOẠCH THỬ NGHIỆM

1. Thời gian đề nghị thử nghiệm (tháng)

2. Địa điểm đề xuất thử nghiệm

3. Quy trình thực hiện thử nghiệm

(*Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm...*)

4. Mô tả về Người dùng, đối tác có liên quan trong quá trình thử nghiệm (nếu có) (*như đối tượng, số lượng; giới hạn số tiền thực hiện giao dịch...*)

5. Kế hoạch cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm thử nghiệm, lợi ích dự kiến và rủi ro trong quá trình thử nghiệm, lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan, các cam kết, thỏa thuận với các bên có liên quan.

(Đối với sản phẩm thử nghiệm dự kiến triển khai tại không gian có cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân đang hoạt động)

6. Dự kiến nguồn lực thực hiện.

7. Kinh phí thực hiện và khả năng đáp ứng nhu cầu về tài chính của tổ chức.

IV. QUY TRÌNH VẬN HÀNH, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC

1. Dự kiến các sự cố có thể phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thử nghiệm

2. Mô tả phương án vận hành trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro.

3. Mô tả các phương án, biện pháp khắc phục sự cố, rủi ro.

V. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA NGƯỜI DÙNG VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM

1. Tổ chức đầu mối tiếp nhận khiếu nại;

2. Thời hạn, trách nhiệm xem xét, giải quyết và phản hồi khiếu nại .

3. Mô tả phạm vi, phương thức bồi thường thiệt hại (nếu có) đối với người dùng, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan.

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM SAU KHI KẾT THÚC THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

1. Mục tiêu phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm

2. Kế hoạch hoàn thiện sản phẩm và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi kết thúc thử nghiệm

3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp sau khi kết thúc thử nghiệm

4. Phương án phát triển sản phẩm trong trường hợp việc thử nghiệm không thành công

VI. PHỤ LỤC THUYẾT MINH

Danh sách các hồ sơ có liên quan nếu có (*như các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho thuyết minh*)

....., ngày tháng ... năm ...

TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Mẫu 1.3 - Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm có kiểm soát**TÊN TỔ CHỨC, DOANH
NGHIỆP**

Số:...../BC-Tên viết tắt ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***BÁO CÁO
Tiến độ thực hiện thử nghiệm**Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

1. Tên đơn vị thực hiện thử nghiệm:

2. Thời gian thực hiện báo cáo:

3. Nội dung chính của thử nghiệm:

Tên giải pháp:

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày ... đến ngày ...

4. Tiến độ thực hiện:

Các hạng mục đã hoàn thành:

Các khó khăn, vướng mắc gặp phải:

Đề xuất phương án điều chỉnh (nếu có):

5. Kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo:

Thời gian và các hạng mục cần hoàn thành:

Yêu cầu hỗ trợ (nếu có):

Đơn vị chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung đã báo cáo và sẽ tiếp tục cập nhật đầy đủ cho Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

Đại diện đơn vị thử nghiệm

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 1.4 - Đơn đề nghị điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm có kiểm soát

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI THỬ NGHIỆM,
KHÔNG GIAN THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

1. Tên đơn vị đăng ký:

2. Tên giải pháp thử nghiệm:

3. Nội dung điều chỉnh đề xuất:

Phạm vi, không gian thử nghiệm điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

4. Tác động dự kiến của điều chỉnh:

Đối với quá trình thử nghiệm:

Đối với đối tượng sử dụng dịch vụ thử nghiệm:

5. Kế hoạch điều chỉnh và thời gian thực hiện:

Thời gian bắt đầu áp dụng:

Các biện pháp quản lý rủi ro sau điều chỉnh:

Phương pháp thử nghiệm điều chỉnh:.....

6. Tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm với các nội dung đề xuất điều chỉnh và thực hiện đầy đủ báo cáo theo yêu cầu.

Đại diện đơn vị thử nghiệm

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 1.5 - Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN THỬ NGHIỆM

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về tổ chức:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*)

2. Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm

- a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cho phép thử nghiệm
- b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm (*số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm*)

3. Đề xuất gia hạn

- a) Khó khăn, hạn chế trong quá trình thử nghiệm
- b) Lý do đề xuất gia hạn
- c) Thời gian đề xuất gia hạn (tháng)
- d) Kế hoạch thử nghiệm trong thời gian được gia hạn

(Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; phương pháp thử nghiệm có điều chỉnh; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm...)

Đại diện đơn vị thử nghiệm
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 1.6 - Báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**
Số:...../BC-Tên viết tắt DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết thúc thử nghiệm có kiểm soát

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin chung về tổ chức**

Tên:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Thông tin người liên hệ *(tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email)*

2. Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm

a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cho phép thử nghiệm

b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm *(số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm)*

c) Địa điểm thử nghiệm

d) Mục tiêu của việc thử nghiệm

đ) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm

II. TÌNH HÌNH THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Nội dung công việc đã và đang thực hiện**

a) Các công việc đã hoàn thành

b) Các công việc đang thực hiện

c) Các công việc dự kiến thực hiện *(trong trường hợp việc thử nghiệm chưa kết thúc)*

2. Kết quả đạt được

a) Mô tả kết quả, sản phẩm đạt được *(kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá)*

b) Đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra

3. Kinh phí thực hiện
4. Báo cáo tình hình tuân thủ quy chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm
5. Báo cáo tình hình tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm
6. Báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm
 - a) Các sự cố phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm
 - b) Kết quả áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm
7. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp (*trong trường hợp đã kết thúc thử nghiệm*)
8. Khó khăn, hạn chế, thách thức trong quá trình thử nghiệm
9. Kinh nghiệm rút ra

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

....., ngày tháng ... năm ...
Tổ chức thực hiện thử nghiệm
 (Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Mẫu 1.7 - Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số:...../...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép thử nghiệm có kiểm soát

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;
Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày ngày 28 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát của.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;

Theo đề nghị của theo tờ trình số...../TTr-SKHCN về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà nội.

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Điều 2: Cho phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát

1. Tên giải pháp thử nghiệm:

2. Lĩnh vực:

3. Phạm vi thử nghiệm:

4. Địa điểm thử nghiệm:

5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Điều 3: Điều kiện thử nghiệm

1. Tổ chức/doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng các quy định của Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

2. Tổ chức/doanh nghiệp phải tuân thủ các biện pháp kiểm soát rủi ro đã cam kết trong hồ sơ đăng ký.

3. Trong quá trình thử nghiệm, tổ chức/doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý.

4. Thử nghiệm phải được thực hiện trong phạm vi thời gian và địa điểm đã được phê duyệt.

Điều 4: Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm là:..... có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 7 Điều 25 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, *Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm*, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội, thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;

-

-

- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Mẫu 1.8 - Quyết định điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số:...../...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;
Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội Nội quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát của.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;

Theo đề nghị của theo tờ trình số...../TTr-... về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà nội.

2. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số....được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát số...../...../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày.... tháng... năm...

Điều 2: Nội dung điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát

1. Tên giải pháp thử nghiệm:

2. Lĩnh vực:

3. Phạm vi thử nghiệm đã được cho phép:

4. Phạm vi, không gian điều chỉnh thử nghiệm được cấp điều chỉnh:.....

(áp dụng đối với điều chỉnh phạm vi thử nghiệm)

5. Địa điểm thử nghiệm:

6. Thời gian thử nghiệm/gia hạn thử nghiệm *(áp dụng đối với gia hạn thời gian thử nghiệm)*: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Các nội dung khác của Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / / không thay đổi.

Điều 3: Điều kiện thử nghiệm

1. Tổ chức/doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng các quy định của Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

2. Tổ chức/doanh nghiệp phải tuân thủ các biện pháp kiểm soát rủi ro đã cam kết trong hồ sơ đăng ký.

3. Trong quá trình thử nghiệm, tổ chức/doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý.

4. Thử nghiệm phải được thực hiện trong phạm vi được điều chỉnh thay đổi, thời gian và địa điểm đã được phê duyệt.

5. Tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được điều chỉnh/gia hạn; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng sau điều chỉnh/gia hạn.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan ... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

-

- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Mẫu 1.9 - Quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số:...../...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội Nội quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;**Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát của.....;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;**Theo đề nghị của theo tờ trình số...../TTr-.... về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định chấm dứt thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm**3. Thông tin chung****a) Tên của tổ chức:****b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);****c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);****d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):****2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài**

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát số...../...../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày.... tháng... năm...

Điều 2. Chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát

..... chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát đối với ... theo phạm vi được quy định tại Giấy phép thử nghiệm số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...

..... tiến hành kết thúc thử nghiệm có kiểm soát đối với ..., hoàn trả cơ sở vật chất, mặt bằng theo quy định tại quy chế thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội...), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
-
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Mẫu 1.10 - Quyết định đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CƠ QUAN HƯỚNG DẪN,
KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH
THỬ NGHIỆM

Số:..... /QĐ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội Nội quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát của.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;

Theo đề nghị của theo tờ trình số...../TTr-.... về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định đình chỉ thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm**4. Thông tin chung**

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

- d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài
 3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...
 4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 5. Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát số...../...../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày.... tháng... năm...

Điều 2. Đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát

1. đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát đối với ... theo phạm vi được quy định tại Giấy phép thử nghiệm số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...
2. Lý do dừng thử nghiệm:
3. tiến hành tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với, báo cáo cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm kết quả thử nghiệm, phối hợp cung cấp tài liệu phục vụ thẩm định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội.), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3:
-
-
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Mẫu 1.11 - Quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số:...../...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;**Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội Nội quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;**Căn cứ Nghị quyết sốNQ-HDND ngày tháng năm của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm có kiểm soát của.....;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;**Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm có kiểm soát của**Theo đề nghị của theo tờ trình số...../TTr-.... về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định hoàn thành thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm**5. Thông tin chung****a) Tên của tổ chức:****b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);****c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);****d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):**

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài
3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số....được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...
4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
5. Quyết định cho phép thử nghiệm có kiểm soát số...../...../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày.... tháng... năm...

Điều 2. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

..... đã hoàn thành thử nghiệm giải pháp ... theo phạm vi được quy định tại Quyết định cho phép thử nghiệm số .../...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...

..... tiến hành triển khai chính thức việc cung ứng giải pháp ... ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, (*Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội*), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3:
-
-
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Mẫu 1.12- Mẫu đề cương quy chế thử nghiệm có kiểm soát

MẪU ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND
Thành phố)*

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 năm 2024;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Phương án/Phương án thử nghiệm có kiểm soát; Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho phép thử nghiệm có kiểm soát (sản phẩm thử nghiệm)
- Các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ/ mô hình kinh doanh được thử nghiệm không được miễn áp dụng trong quá trình thử nghiệm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

2. Thông tin chung về sản phẩm thử nghiệm theo phương án thử nghiệm đã được phê duyệt

- Tên gọi, nội dung công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới được cấp phép thử nghiệm có kiểm soát : Sản phẩm thử nghiệm trong lĩnh vực [...].
- Tổ chức, doanh nghiệp được phép triển khai thử nghiệm có kiểm soát: *(Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng hoặc vận hành sản phẩm thử nghiệm);*
- Tổ chức tham gia thử nghiệm: *(trực tiếp, gián tiếp)*
- Thời gian thử nghiệm:
- Phạm vi giới hạn về không gian địa lý, quy mô thử nghiệm, số lượng, phạm vi người dung hoặc giới hạn cần thiết khác đối với nội dung thử nghiệm có kiểm soát
- Nhóm người dùng sản phẩm thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm

3. Những quy định của pháp luật được miễn áp dụng trong quá trình thử nghiệm theo quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Quy định cụ thể về sử dụng sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh mới thử nghiệm theo phương án/phương án được phê duyệt

5. Cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm:
- Cơ quan phối hợp: [...], giám sát, tư vấn và hỗ trợ triển khai.

6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

7. Quyền, nghĩa vụ và nội dung cam kết trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát, bao gồm cả mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có)

8. Quyền lợi và trách nhiệm của người dùng

9. Phương án phòng ngừa, xử lý rủi ro và trách nhiệm pháp lý

- Phương án phòng ngừa và cảnh báo rủi ro:
 - Phân tích và quản trị các rủi ro về công nghệ/ mô hình kinh doanh, bao gồm cả vi phạm quyền riêng tư, xử lý dữ liệu không an toàn...
 - Phương án khắc phục hậu quả do rủi ro gây ra; phạm vi, mức và phương thức bồi thường thiệt hại theo quy định và cam kết đã ký với người dùng.
 - Trên cơ sở báo cáo của đơn vị hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm, cơ quan chủ trì có quyền đình chỉ thử nghiệm nếu ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng.
 - Giải quyết khiếu nại của người dùng (đầu mối tiếp nhận khiếu nại; giải quyết và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại cho người dùng)

10. Giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thử nghiệm

- Khuyến khích các bên liên quan giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải.
- Trường hợp không hòa giải được, có thể lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận trong bản đăng ký cho phép thử nghiệm, bao gồm: trọng tài, tòa án, hoặc cơ chế đặc thù (nếu có).
- Trường hợp tranh chấp có yếu tố rủi ro hệ thống, có nguy cơ gây ảnh hưởng lớn đến an toàn công cộng, trật tự xã hội hoặc quyền lợi của nhiều người dùng, đơn vị hướng dẫn, kiểm soát phải báo cáo cơ quan chủ trì trình Ủy ban nhân dân Thành phố tạm dừng thử nghiệm để xử lý tranh chấp trước khi tiếp tục.

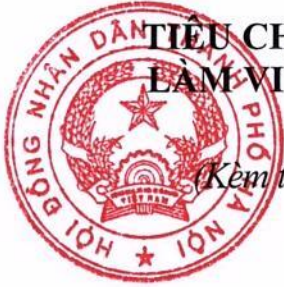
10. Cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá và tổng kết

- Cơ quan chủ trì tổ chức giám sát định kỳ tháng, quý, năm và giám sát đột xuất khi có yêu cầu.
- Các tiêu chí đánh giá do cơ quan quản lý ban hành, bao gồm đánh giá sự hài lòng của người dùng và mức độ tương thích với hệ thống pháp luật.
- Tổng kết thử nghiệm gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ quản lý chuyên ngành để đề xuất chính sách, pháp luật liên quan.

11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện thử nghiệm sau khi kết thúc thử nghiệm

- Nếu thử nghiệm được Hội đồng thẩm định đánh giá “ Kết quả đạt” : tổ chức chủ trì cần đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật, đưa vào quy chuẩn kỹ thuật, tích hợp với hệ thống pháp luật chính thức.
- Nếu không đạt yêu cầu: chấm dứt thử nghiệm và có biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có),
- Đơn vị thực hiện thử nghiệm phối hợp với cơ quan chức năng trong việc lưu trữ, bảo mật và chuyển giao dữ liệu thử nghiệm.

Phụ lục II



TIÊU CHÍ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH, NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC, TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

I. TIÊU CHÍ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Tiêu chí chung

a) Có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực tương ứng với các sản phẩm thử nghiệm, có kinh nghiệm thực tiễn, đã tham gia đề tài, dự án, Hội đồng thẩm định cấp quốc gia/ ngành/thành phố; am hiểu xu hướng công nghệ mới trong nước và quốc tế, am hiểu chính sách quản lý về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; có khả năng đánh giá đa chiều, liên ngành về kỹ thuật, pháp lý, xã hội, ứng dụng, rủi ro; có phẩm chất đạo đức tốt, trong sáng, trung lập, chính trực, bản lĩnh.

b) Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng: cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án hoặc tham gia thử nghiệm có kiểm soát; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký thực hiện thử nghiệm có kiểm soát; cá nhân thuộc tổ chức phối hợp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định cho phép, điều chỉnh, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát, đánh giá hoàn thiện pháp luật bao gồm:

Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; chuyên gia pháp luật và các chuyên gia, nhà khoa học chuyên ngành; đại diện của các Sở, ban, ngành trong từng lĩnh vực thử nghiệm có kiểm soát. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng mời thêm các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng tư vấn độc lập bao gồm:

Đại diện của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tư pháp, Chuyên gia pháp luật; Đại diện của các Sở, ban, ngành có liên quan.

II. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Phiên họp Hội đồng thẩm định: họp trực tiếp hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Các thành viên Hội đồng nhận tài liệu, hồ sơ trước khi họp Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc để nghiên cứu, nhận xét, chuẩn bị phiếu thẩm định, đánh giá;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

c) Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc phó Chủ tịch Hội đồng, có ít nhất 03 ủy viên phản biện có mặt. Trường hợp thành viên Hội đồng thẩm định vắng mặt phải gửi phiếu thẩm định trước ngày phiên họp diễn ra để Chủ tịch Hội đồng tổng hợp, nhận xét, đánh giá chung;

d) Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm báo cáo tiến độ thử nghiệm có kiểm soát theo tiến độ, khó khăn vướng mắc trong quá trình thử nghiệm, kết quả đạt được;

đ) Các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Thẩm định, đánh giá hồ sơ; Đề nghị tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật của phương án thử nghiệm; đánh giá các kết quả đạt được trong thời gian thử nghiệm; giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; đánh giá về chiến lược phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm... của từng Hội đồng cho phép, điều chỉnh, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát;

e) Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định;

g) Tất cả thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến bằng phiếu thẩm định.

h) Các thành viên hội đồng, chuyên gia (nếu có), thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định, đánh giá và kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thử nghiệm có kiểm soát chưa phù hợp với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

3. Kết quả của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, tất cả các thành viên biểu quyết bằng phiếu thẩm định, đánh giá và quyết định theo ý kiến đa số ít nhất 3/4 tất cả thành viên Hội đồng trong quyết định thành lập Hội đồng nhất trí thông qua kết quả.

b) Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

III. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

1. Phiên họp Hội đồng thẩm định: họp trực tiếp hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Theo nguyên tắc làm việc quy định tại điểm a,b,c,g,h Khoản 2 Phần II của nguyên tắc làm việc Hội đồng thẩm định, Phụ lục này.

b) Các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Đánh giá các kết quả đạt được trong thời gian thử nghiệm; giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; đánh giá về

chiến lược phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm; đánh giá những vấn đề có liên quan đến hoàn thiện pháp luật, cơ chế quản lý mới; tham mưu Ủy ban nhân dân các nội dung liên quan đến các đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực thử nghiệm báo cáo Hội đồng nhân dân và Chính phủ.

3. Kết quả Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật

a) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, tất cả các thành viên biểu quyết bằng phiếu thăm định, đánh giá, quyết định theo ý kiến đa số trên 3/4 tất cả thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập Hội đồng thống nhất kết quả thăm định trong phiếu thăm định, đánh giá.

b) Kết quả cuộc họp Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

IV. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐỘC LẬP

1. Phiên họp Hội đồng thăm định họp trực tiếp hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm gửi hồ sơ cho thành viên Hội đồng tư vấn độc lập tối thiểu 05 ngày làm việc trước cuộc họp Hội đồng tư vấn độc lập.

Hồ sơ bao gồm: Báo cáo thử nghiệm có kiểm soát; Phương án thử nghiệm có kiểm soát đã được phê duyệt; Quy chế thử nghiệm riêng đối với từng sản phẩm thử nghiệm; tài liệu có liên quan đến sự cố, rủi ro, thiệt hại trong quá trình thử nghiệm;

b) Hội đồng làm việc theo quy định tại các điểm b,c,g,h Khoản 2 Phần II của nguyên tắc làm việc Hội đồng thăm định, Phụ lục này.

c) Các thành viên Hội đồng tư vấn độc lập dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Đánh giá các kết quả đạt được trong thời gian thử nghiệm; đánh giá lại về quy trình tổ chức, thực hiện thử nghiệm có kiểm soát phù hợp với các quy chế thử nghiệm, nội dung cho phép đối với từng sản phẩm thử nghiệm; đánh giá việc tuân thủ quy chế thử nghiệm có kiểm soát và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các nhân trong thăm định, cho phép, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; phạm vi miễn trừ, loại trừ trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự khi xảy ra rủi ro hoặc thiệt hại trong quá trình thử nghiệm...

3. Kết quả Hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật

a) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, tất cả các thành viên biểu quyết bằng phiếu thăm định, quyết định theo ý kiến đa số trên 3/4 tất cả thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập Hội đồng tư vấn độc lập thống nhất kết quả;

b) Kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn độc lập việc miễn, loại trừ trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp, là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

V. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH, CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng

a) Chỉ đạo việc tổ chức thẩm định cho phép, điều chỉnh, chấm dứt, gia hạn thử nghiệm có kiểm soát; đánh giá hoàn thiện pháp luật; đánh giá độc lập xem xét việc loại trừ, miễn trừ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu xảy ra rủi ro, thiệt hại trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát;

b) Chủ trì cuộc họp hội đồng;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng trong quá trình hoạt động;

d) Ký Báo cáo thẩm định, Biên bản họp thẩm định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng trực tiếp chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Hội đồng;

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp của Hội đồng, ký Biên bản cuộc họp của Hội đồng khi được ủy quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của thành viên Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

a) Nghiên cứu hồ sơ thẩm định, đánh giá, tham gia cuộc họp thẩm định, đánh giá, phát biểu và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định, đánh giá;

b) Biểu quyết bằng phiếu về việc thẩm định cho phép, điều chỉnh, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát; ý kiến hoàn thành thiện các quy định của pháp luật; đánh giá độc lập xem xét việc loại trừ, miễn trừ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu xảy ra rủi ro, thiệt hại trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát;

c) Trường hợp không thể tham gia cuộc họp thẩm định thì phải gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến Hội đồng (qua cơ quan thành lập hội đồng) trước khi cuộc họp thẩm định diễn ra. Ý kiến thẩm định phải thể hiện rõ các việc thống nhất hay không thống nhất của nội dung cần thẩm định;

d) Bảo lưu ý kiến thẩm định nếu không đồng ý với kết luận của Hội đồng (nếu có).